TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 03 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Vũ Biên Cương.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn S – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 03 và 24 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Đ, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị Đ trình bày: Vào năm 1991, chị Đ và anh T cưới nhau, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến thời gian gần đây giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn sống chung với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được cho nên chị Đ yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/10/2008 hiện đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận chị Phan Thị Đ và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng; giao con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của con), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu; không giải quyết về tài sản chung và nợ chung do không có tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phan Thị Đ vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh T.

Về nội dung:

[3] Chị Phan Thị Đ và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến 2025 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chị Đ và anh T không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hôn nhân của chị Đ và anh T là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

" *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Đồng thời khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1*

Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là anh T đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn (niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định), nhưng bị đơn không có ý kiến, không đến theo giấy triệu tập và văn bản của Tòa án. Đồn thời xét thấy: Chị Đ và anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là vợ chồng theo quy định tại các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Đ và anh T có 01 con chung tên: Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/10/2008 hiện đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung Nguyễn Minh H hiện đang sống chung với chị Đ và có nguyện vọng sống chung với mẹ (chị Đ) nên giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, chị Phan Thị Đ là người khởi kiện phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Đ và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/10/2008 cho chị Phan Thị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phan Thị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0004400 ngày 13-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Phan Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Dung